

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 662/2019/HC-PT
Ngày 19 tháng 9 năm 2019
V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính về xử phạt vi phạm hành
chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên.

Ông Vũ Ngọc Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tiểu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 402/2019/TLPT-HC ngày 26 tháng 6 năm 2019 về “Khiếu kiện quyết định hành chính về xử phạt vi phạm hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 437/2018/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1683/2019/QĐPT-HC ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Quốc Tr (có mặt).

Địa chỉ: 111/85/21A khu phố 1, phường TTT, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận BT.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Hồ Ph - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận BT (theo Văn bản ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 26/8/2019 - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1/ Bà Vũ Thị Hội D, Phó trưởng Phòng Quản lý đô thị quận BT (vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Thanh S, Cán sự Phòng Quản lý đô thị quận BT (có mặt).

Người kháng cáo: Người khởi kiện, ông Nguyễn Quốc Tr

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Quốc Tr trình bày:

Ngày 15/4/2002, ông Tr được UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10605/2002 với diện tích đất ở 83,1m² và diện tích xây dựng 67,6 m² thuộc thửa đất số 225 tờ bản đồ số 4 (sơ đồ nền), tọa lạc tại 293/17/13 Bạch Đằng, Phường 15, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Do căn nhà xuống cấp và nhu cầu sử dụng tăng thêm nên ông đã xin cấp giấy phép xây dựng và đã được UBND quận BT cấp Giấy phép xây dựng số 2996/GPXP-UB ngày 21/8/2002 cho phép ông xây dựng mới công trình nhà ở 2 tầng, khung sàn bê tông cốt thép, tường gạch, mái tole. Thực tế, ông Tr không xây dựng hết diện tích trên tầng 2 như giấy phép được cấp (chỉ xây 1 phòng, còn lại 2 phòng chưa xây dựng). Năm 2008, ông Tr xây dựng 02 phòng còn lại bằng vật liệu bằng cột gỗ, tường gỗ ván ép, mái tôn. Năm 2018, ông Tr sửa lại 02 phòng, cụ thể là thay cột gỗ bằng cột sắt, vách bằng tôn mái lợp broximang.

Ngày 12/01/2018, Cán bộ địa chính Phường 15, quận BT đã lập Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu ông ngừng thi công. Ngày 06/02/2018, Chủ tịch UBND quận BT đã ra Quyết định số 1001/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính với nội dung: Phạt tiền 6.250.000 đồng do xây dựng không phép tầng 2 diện tích 26m². Biện pháp khắc phục hậu quả: 60 ngày không xuất trình giấy phép thi bị phá dỡ công trình vi phạm. Sau khi được cấp Giấy phép xây dựng, chủ đầu tư phải tự phá dỡ phần công trình đã xây dựng mà không được cấp Giấy phép xây dựng trước khi tiếp tục thi công công trình. Trường hợp chủ đầu tư không tự phá dỡ phần sai nội dung Giấy phép xây dựng được cấp thì phải bị cưỡng chế phá dỡ theo quy định và phải chịu trách nhiệm về toàn bộ chi phí tổ chức cưỡng chế phá dỡ.

Vì vậy, ông Tr yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1001/QĐ-XPVPHC ngày 06/02/2018 của Chủ tịch UBND quận BT.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận BT trình bày:

Nhà đất số 293/17/13 Bạch Đằng, Phường 15, quận BT được UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10605/2002 ngày 15/4/2002 cho ông Tr. Năm 2002, ông Tr xây dựng lại nhà theo Giấy phép xây dựng số 2996/GPXD-UB ngày 21/08/2002, đã được cập nhật sở hữu ngày 13/8/2003 với quy mô 2 tầng, sàn BTCT + tôn. Ngày 12/01/2018, UBND Phường 15 lập Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm số 49/BB-VPHC đối với hành vi xây dựng không phép của ông Tr: Tầng 2: 4,0m x 6,5m = 26m² (Kết cấu: Khung sắt, vách kính, mái tôn). Ngày 15/01/2018, UBND Phường 15 có Phiếu chuyển chuyển hồ sơ xử lý vi phạm trật tự xây dựng nêu trên đến Đội Quản lý trật tự đô thị - Phòng Quản lý đô thị tham mưu Chủ tịch UBND quận BT ban hành Quyết định xử phạt.

Ngày 06/02/2018, Chủ tịch UBND quận BT ban hành Quyết định số 1001/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Tr về hành vi xây dựng công trình tại nhà đất số 293/17/13 đường Bạch Đằng, Phường 15, quận BT, trong đó có nội dung: Hình thức xử phạt chính là phạt tiền 6.250.000 đồng. Các biện pháp khắc phục hậu quả: Trong thời hạn tối đa 60 ngày, kể từ ngày lập Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm, chủ đầu tư không xuất trình Giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền cấp thì bị cưỡng chế phá dỡ phần công trình vi phạm xây dựng (Tầng 2: 4,00m x 6,50m = 26m²); Sau khi được cấp Giấy phép xây dựng, chủ đầu tư phải tự phá dỡ phần công trình đã xây dựng mà không được cấp Giấy phép xây dựng trước khi tiếp tục thi công công trình. Trường hợp chủ đầu tư không tự phá dỡ phần sai nội dung Giấy phép xây dựng được cấp thì phải bị cưỡng chế phá dỡ theo quy định và phải chịu trách nhiệm về toàn bộ chi phí tổ chức cưỡng chế phá dỡ.

Sau đó, ông Tr có đơn đề nghị được xem xét không xử phạt và tồn tại phần công trình xây dựng không phép. Ngày 23/4/2018, Chủ tịch UBND quận BT ban hành Công văn số 1415/UBND, có nội dung: Không chấp nhận đơn đề nghị của ông Tr. Đề nghị ông Tr thực hiện theo đúng nội dung nêu tại Quyết định số 1001/QĐ-XP VPHC, nếu không thực hiện sẽ bị cưỡng chế theo quy định”.

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1001/QĐ-XPVPHC: Thời điểm ông Tr tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng tại nhà đất 293/17/13 BĐ, Phường 15, quận BT vào ngày 12/01/2018. Khoản 1 Điều 11 Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành kèm theo Quyết định số 58/2013/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh quy định: “Cán bộ quản lý xây dựng cấp xã lập biên bản vi phạm hành chính đối với công trình xây dựng không có Giấy phép xây dựng, công trình xây dựng sai nội dung Giấy phép xây dựng do UBND cấp xã cấp. Trường hợp biên bản vi phạm hành chính về hành vi xây dựng công trình không có Giấy phép xây dựng mà việc xử phạt vượt thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp xã thì trong thời gian 05 ngày, kể từ khi lập biên bản vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND cấp xã phải chuyển toàn bộ hồ sơ xử lý vi phạm đến Trưởng Phòng Quản lý đô thị để kiểm tra, rà soát và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét xử phạt theo quy định....”

Khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: “Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản...”. Căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 3; điểm b khoản 6 Điều 13; Điều 68 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ thì việc Chủ tịch UBND quận BT ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1001/QĐ-XPVPHC là đúng quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 437/2018/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, Điều 193, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 2 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính; Khoản 1 Điều 89 Luật xây dựng năm 2014; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc Tr về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1001/QĐ-XPVPHC ngày 06/02/2018 của Chủ tịch UBND quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh về xử phạt vi phạm hành chính.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 15/5/2019, ông Nguyễn Quốc Tr kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 1001/QĐ-XPVPHC.

Tại phiên tòa, ông Tr rút yêu cầu hủy Quyết định số 1001/QĐ-XPVPHC, giữ nguyên yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và trình bày: Quyết định số 1001/QĐ-XPVPHC không ghi cụ thể điểm, khoản, điều của văn bản quy phạm pháp luật nào là không đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án hủy bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Trước khi xây dựng thì chủ đầu tư phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng. Thực tế, ông Tr đã tháo dỡ nhà cũ và xây dựng mới nhưng không có giấy phép xây dựng. Quyết định số 1001/QĐ-XPVPHC đã căn cứ Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ và Điều 89 Luật Xây dựng là đúng pháp luật. Mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo mẫu quy định. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác kháng cáo của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Ông Tr xây dựng nhà nhưng không được cấp giấy phép theo quy định là trái quy định tại Điều 89 Luật Xây dựng. Nội dung Quyết định số 1001/QĐ-XPVPHC, thể hiện: Mức phạt tiền thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch ủy quyền cho Phó chủ tịch nên quyết định trên là hợp pháp. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Tr là có căn cứ. Đề nghị, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Khiếu kiện quyết định hành chính về xử phạt vi phạm hành chính” và giải quyết là đúng

quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Ông Nguyễn Quốc Tr kháng cáo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, ông Tr rút yêu cầu kháng cáo hủy Quyết định số 1001/QĐ-XPVPHC. Việc rút kháng cáo là tự nguyện đúng pháp luật nên Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo đã rút.

[2] Xét Quyết định số 1001/QĐ-XPVPHC:

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định bị khiếu kiện: Quyết định số 1001/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND quận BT được ban hành theo đúng quy định tại Điều 30, khoản 2 Điều 38, Điều 54, 57, 66 Luật xử lý vi phạm hành chính; khoản 2, 3 Điều 3; điểm b khoản 6 Điều 13, Điều 68 của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ.

[2.2] Về nội dung: Ngày 21/8/2002, UBND quận BT cấp Giấy phép xây dựng số 2996/GPXD-UB, có nội dung: Ông Tr được phép xây dựng diện tích 150,23m², giấy phép có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký. Theo đề nghị của ông Tr và căn cứ Biên bản kiểm tra công trình hoàn thành số 404/BB-UB ngày 09/7/2003 do UBND quận BT lập, sau khi xây dựng nhà, ngày 03/8/2003, Trung tâm Đăng ký nhà đất thuộc Sở Địa chính nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho ông Tr đối với diện tích là 106,24m². Năm 2008, ông Tr xây dựng thêm 2 phòng tại tầng 2 của căn nhà bằng vật liệu: Cột gỗ, tường gỗ ván ép, mái lợp tôn nhưng không xin phép xây dựng. Năm 2018, ông Tr tiến hành sửa chữa, cải tạo diện tích 2 phòng nêu trên bằng vật liệu: Cột sắt, vách bằng tôn, mái lợp broximang.

[2.3] Giấy phép xây dựng số 2996/GPXD-UB có hiệu lực 01 năm. Như vậy, ông Tr chỉ được phép xây dựng diện tích, số tầng đã được UBND quận BT đồng ý đến ngày 21/8/2002. Sau thời hạn trên thì giấy phép xây dựng số 2996/GPXD-UB hết hiệu lực. Ông Tr muốn xây dựng thì phải làm thủ tục cấp giấy phép xây dựng mới.

[2.4] Việc ông Tr xây dựng mà không có giấy phép là trái quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 mà không thuộc trường hợp được miễn cấp giấy phép quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tr là có căn cứ. Tại phiên tòa, ông Tr cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông Tr phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 1 Điều 89 Luật Xây dựng

năm 2014; Nghị Quyết 326/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1001/QĐ-XPVPHC ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh về xử lý vi phạm hành chính.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc Tr đối với yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

3. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 437/2019/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc Tr về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1001/QĐ-XPVPHC ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh về xử lý vi phạm hành chính.

5. Về án phí:

5.1 *Án phí sơ thẩm:* Ông Nguyễn Quốc Tr phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0045652 ngày 14/11/2018 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5.2 *Án phí phúc thẩm:* Ông Nguyễn Quốc Tr phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai số 0025788 ngày 29/5/2019 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (Ngày 19 tháng 9 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (4);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (NTMD)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Đức Phương